CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	*5 - 7*
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	*8*
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	*9 - 10*
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	*11*
Thuyết minh báo cáo tài chính	*12 - 30*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22/12/2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21/08/2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18/06/2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/03/2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là **58.619.400.000** đồng.

Hoạt động đăng ký của Công ty bao gồm: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên (bổ nhiệm từ 26 tháng 6 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đặng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số: 168 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22/03/2014 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.3 về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 19.755.330.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013 (vốn chủ sở hữu của Công ty tại 31/12/2013 là 48.477.264.448 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga
Chứng nhận ĐKHN số: 0613-2013-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến
Chứng nhận ĐKHN số: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

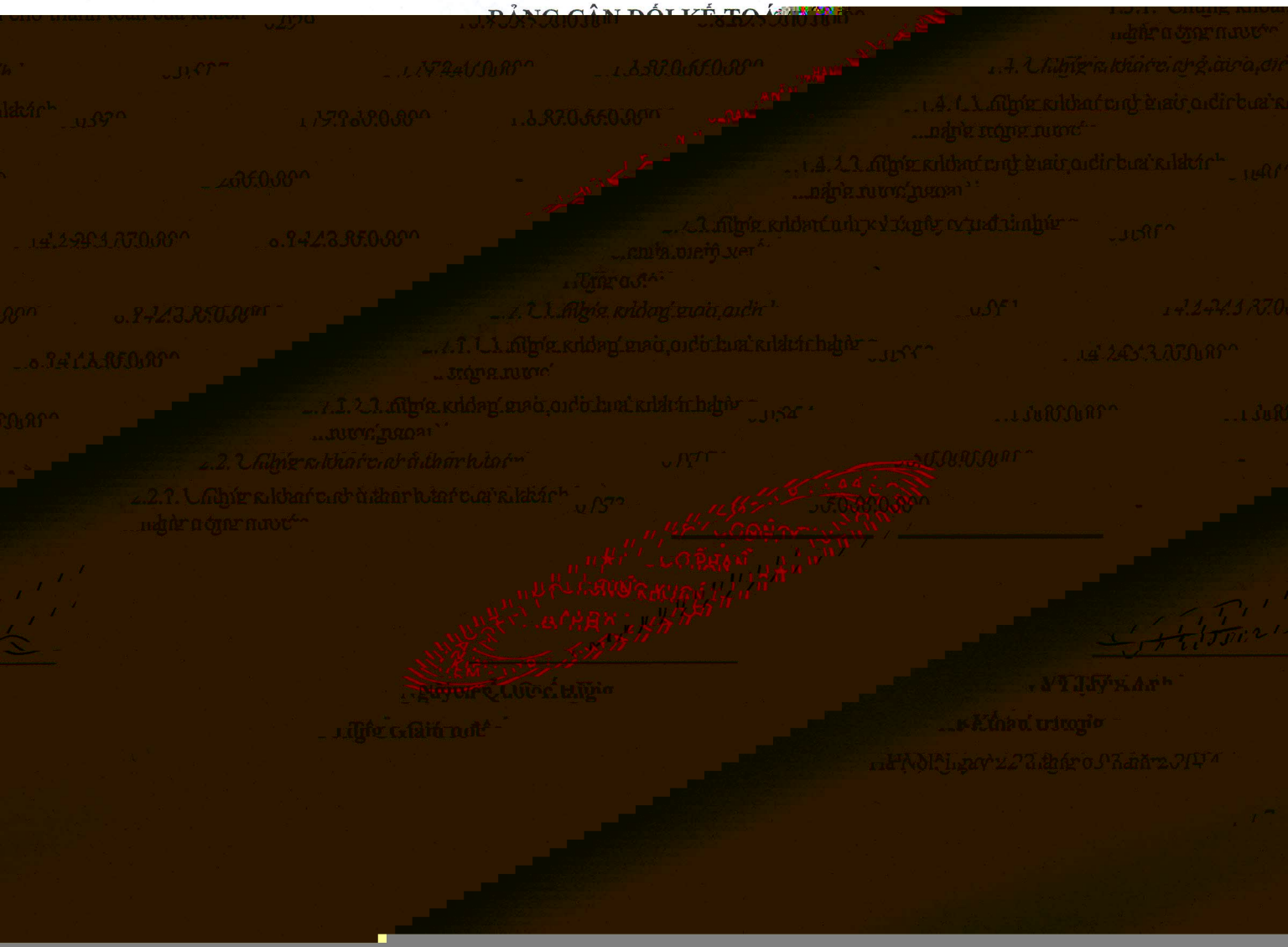

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu	01		**8.088.542.700**	**9.456.450.471**
Trong đó:				
- DT hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.025.616.350	3.020.803.564
- DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		82.027.600	1.598.626.866
- DT bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- DT đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- DT hoạt động tư vấn	01.5		726.818.182	664.863.636
- DT lưu ký chứng khoán	01.6		76.007.387	-
- DT hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		-	-
- DT cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- DT khác	01.9	VI.1	3.178.073.181	4.172.156.405
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	**10**		**8.088.542.700**	**9.456.450.471**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	**6.012.712.067**	**9.784.134.597**
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	**20**		**2.075.830.633**	**(327.684.126)**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	**5.821.917.316**	**5.721.403.020**
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	**30**		**(3.746.086.683)**	**(6.049.087.146)**
8. Thu nhập khác	31		**3.000.000**	**58.131.480**
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	**40**		**3.000.000**	**58.131.480**
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(3.743.086.683)**	**(5.990.955.666)**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.4	-	**(1.532.329.117)**
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(3.743.086.683)**	**(4.458.626.549)**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.5	**(639)**	**(761)**

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		2.144.508.000	2.883.694.367
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(2.983.778.020)	(3.023.176.453)
3. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		372.407.211.587	319.070.417.590
4. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(395.056.641.977)	(321.719.781.307)
5. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(5.285.095.706)	(2.527.644.503)
6. Tiền chi trả cho người lao động	11		(4.392.383.337)	(4.807.340.085)
7. Tiền chi trả lãi vay	12		(17.793.111)	(1.088.405.278)
8. Tiền thu khác	14		36.124.693.515	13.901.743.959
9. Tiền chi khác	15		(6.170.513.802)	(6.909.564.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	***20***		***(3.229.792.851)***	***(4.220.056.056)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(140.000.000)	(569.164.000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.518.400.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26		5.347.035.000	15.518.400.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		758.002.220	892.208.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***5.965.037.220***	***323.044.400***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9.150.000.000	5.700.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.321.000.000)	(5.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	***40***		**(6.171.000.000)**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(3.435.755.631)**	**(3.897.011.656)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	V.1	**22.922.305.717**	**26.819.317.373**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	V.1	**19.486.550.086**	**22.922.305.717**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
3	Quỹ Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	-	-	808.893.187	808.893.187
4	LN chưa phân phối	(4.529.165.507)	(8.987.792.056)	-	(4.458.626.549)	-	(3.743.086.683)	(8.987.792.056)	(12.730.878.739)
	Cộng	**56.678.977.680**	**52.220.351.131**	**-**	**(4.458.626.549)**	**-**	**(3.743.086.683)**	**52.220.351.131**	**48.477.264.448**

Vũ Thúy Anh

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Nguyễn Quốc Hùng

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22/12/2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21/08/2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18/06/2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16/03/2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2008 là **58.619.400.000** đồng.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**: Chứng khoán.

3. **Ngành nghề kinh doanh**: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

4. **Tổng số nhân viên**: 22 người, trong đó 16 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi
Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức
Thu nhập được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

11. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

13. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả trước, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:
- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Chỉ tiêu	31/12/2013 VND	1/1/2013 VND
Tiền	**18.486.550.086**	**20.172.305.717**
Tiền mặt	189.745.377	42.533.171
Tiền gửi ngân hàng	18.296.804.709	20.129.772.546
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	*18.041.542.014*	*15.285.761.562*
Tương đương tiền	**1.000.000.000**	**2.750.000.000**
Cộng	**19.486.550.086**	**22.922.305.717**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán	**137.020**	**3.901.666.992**
- Cổ phiếu	137.020	3.901.666.992
b) Của nhà đầu tư	**155.632.700**	**1.436.087.488.800**
- Cổ phiếu	155.632.700	1.436.087.488.800
Cộng	**155.769.720**	**1.439.989.155.792**

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	**24.516.374.068**	**27.772.501.060**
- Cổ phiếu niêm yết	4.761.044.068	8.017.171.060
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	19.755.330.000	19.755.330.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác (**)	**7.281.215.000**	**13.071.400.000**
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	**(5.050.324.868)**	**(6.994.085.760)**
- Cổ phiếu niêm yết	(3.741.838.368)	(5.638.161.760)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	(1.308.486.500)	(1.355.924.000)
Cộng	**26.747.264.200**	**33.849.815.300**

(*) Khoản đầu tư chiếm 40,75% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2013. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức qui định.

(**) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
					Tăng		Giảm			
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
I. Chứng khoán thương mại	**124.588**	**169.108**	**4.761.044.068**	**8.017.171.060**	**-**	**-**	**(3.741.838.368)**	**(5.638.161.760)**	**1.019.205.700**	**2.379.009.300**
1. Cổ phiếu niêm yết										
ANV	80.000	80.000	4.269.382.040	4.269.382.040	-	-	(3.589.382.040)	(3.485.382.040)	680.000.000	784.000.000
NBC	11.583	8.333	183.320.000	171.650.000	-	-	(68.648.300)	(70.820.700)	114.671.700	100.829.300
SHB	33.000	33.000	308.000.000	308.000.000	-	-	(83.600.000)	(113.300.000)	224.400.000	194.700.000
VCB	5	47.775	342.028	3.268.139.020	-	-	(208.028)	(1.968.659.020)	134.000	1.299.480.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác			**7.281.215.000**	**13.071.400.000**	**-**	**-**	**(1.308.486.500)**	**(1.355.924.000)**	**5.983.540.900**	**11.715.476.000**
Cộng	**124.588**	**169.108**	**12.042.259.068**	**21.088.571.060**	**-**	**-**	**(5.050.324.868)**	**(6.994.085.760)**	**7.002.746.600**	**14.094.485.300**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	(Giảm)	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
- Phải thu của khách hàng	10.778.596.285	31.500.000	31.500.000	513.898.163.847	(508.165.103.577)	16.511.656.555	31.500.000	31.500.000	31.500.000
- Trả trước cho người bán	30.800.000	-	-	-	-	30.800.000	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	299.917.253	(299.917.253)	-	-	-	-
- Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	549.057.114	-	-	151.806.099	(178.080.405)	522.782.808	507.784.333	506.584.333	506.584.333
CỘNG	**11.358.453.399**	**31.500.000**	**31.500.000**	**514.349.887.199**	**(508.643.101.235)**	**17.065.239.363**	**539.284.333**	**538.084.333**	**538.084.333**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	-	234.236.710
Dịch vụ viễn thông	-	15.192.900
Chi phí chờ phân bổ khác	34.611.112	6.813.040
Cộng	**34.611.112**	**256.242.650**

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2013	1/1/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Thuế TNCN nộp thừa	15.133.505	4.247.556
Cộng	**36.001.940**	**25.115.991**

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.664.941.900	820.737.000	1.691.503.665	7.177.182.565
Tăng trong năm	20.000.000	-	-	20.000.000
Giảm khác (*)	(604.533.028)	-	(159.430.702)	(763.963.730)
Số dư cuối năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.020.052.675	820.737.000	1.185.024.783	5.025.814.458
Khấu hao trong năm	590.983.880	-	224.475.483	815.459.363
Giảm khác (*)	(488.564.676)	-	(149.176.966)	(637.741.642)
Số dư cuối năm	3.122.471.879	820.737.000	1.260.323.300	5.203.532.179
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.644.889.225	-	506.478.882	2.151.368.107
Tại ngày cuối năm	957.936.993	-	271.749.663	1.229.686.656

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

e) Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

a. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội kiểm toán. Một số số liệu so sánh được trình bày lại cho phù hợp với số liệu cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

b. Những thay đổi do trình bày lại

Khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 1/1/2013 sau trình bày lại	Số dư tại ngày 1/1/2013	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán			
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.994.085.760)	(5.638.161.760)	(1.355.924.000)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(31.500.000)	(1.387.424.000)	1.355.924.000
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Chi phí hoạt động kinh doanh	9.784.134.597	8.428.210.597	1.355.924.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.721.403.020	7.077.327.020	(1.355.924.000)

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng
Ngày 22 tháng 03 năm 2014

Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc